

Số : 86 /BC-THDP

Đức Châu, ngày 12 tháng 06 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

(Theo TT 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng BGD&ĐT)

I.THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường: Trường Tiểu học Diễn Phong
2. Địa chỉ : Thôn Hồng Phong – Xã Đức Châu – Tỉnh Nghệ An
Email: thdienphong.dc@nghean.edu.vn
Công thông tin điện tử:
3. Loại hình : Công lập
Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân xã Đức Châu
4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu:

Sứ mệnh: Xây dựng môi trường học tập thân thiện, văn minh, hạnh phúc để mỗi giáo viên và học sinh có cơ hội phát triển tài năng, có khả năng thích ứng. Đào tạo thế hệ tương lai của đất nước trở thành những công dân ưu tú, năng động, khỏe về thể chất, mạnh về trí lực, có tinh thần trách nhiệm, giàu lòng nhân ái và có đủ bản lĩnh, tự tin vươn cao, hội nhập với thế giới.

Tầm nhìn:.

Trường Tiểu học Diễn Phong Phấn đấu trường có cơ sở vật chất đầy đủ, khang trang, hiện đại; đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đủ về số lượng, có năng lực chuyên môn tốt, thân thiện với học sinh và giữ vững trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2, Kiểm định chất lượng mức độ 3 để mỗi học sinh có cơ hội phát triển tài năng, có khả năng thích ứng mạnh mẽ để trở thành những công dân tốt, có thể chất khỏe mạnh, tâm hồn trong sáng phù hợp với xu thế phát triển của xã hội; Là một trong những trường luôn đứng trong tốp đầu những trường có chất lượng cao, an toàn; Nơi học sinh sẽ lựa chọn để học tập và rèn luyện, nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn cao.

Giá trị cốt lõi: “Năng động – Sáng tạo – Đoàn kết – An toàn –Thân thiện – Hạnh phúc”

Giá trị cốt lõi mà Trường luôn hướng đến là học sinh biết vượt khó trong học tập, có tính kiên trì và nhẫn nại; có lối sống lành mạnh, biết ứng xử tốt trong mọi tình huống; tự tin giao tiếp; Khỏe mạnh cả về thể chất, tinh thần và trí tuệ.

Mục tiêu :

Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ; Chỉ đạo đội ngũ giáo viên tập trung bồi dưỡng về nội dung chương trình; phương pháp dạy học theo lộ trình đổi mới chương trình giáo dục phổ thông 2018. Tích cực đổi mới phương pháp và kỹ thuật dạy học, hướng dẫn học sinh cách học, cách tìm ra kiến thức mới; đổi

mới cách đánh giá kết quả học tập của học sinh; chú trọng công tác đào tạo và bồi dưỡng học sinh năng khiếu; khuyến khích học sinh nghiên cứu khoa học, vận dụng lý thuyết vào thực tế; chú trọng công tác giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống và tăng cường tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho học sinh.

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục cao và toàn diện, từng bước tiếp cận với mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Là địa chỉ tin cậy cho các bậc phụ huynh khi gửi con vào học tập. Giữ vững và nâng tầm trường chuẩn quốc gia mức độ 2; xây dựng môi trường giáo dục tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

5. Quá trình hình thành và phát triển nhà trường:

Trường TH Diễn Phong đóng trên địa bàn Thôn Hồng Phong, xã Đức Châu, tỉnh Nghệ An. Một xã thuộc vùng đồng bằng, nghề chính là nông nghiệp. Nơi đây giàu truyền thống lịch sử, Xã có hệ thống giáo dục từ mầm non đến trung học phổ thông gồm 3 trường học: 4 Trường mầm non, 4 Trường tiểu học, 3 Trường trung học cơ sở, 1 trường THPT.

Trường tiểu học Diễn Phong tiền thân là trường cấp 1,2 Diễn Phong, được tách thành trường Tiểu học Diễn Phong từ ngày 20 tháng 4 năm 1993. Hơn ba mươi năm, nhà trường đã không ngừng lớn mạnh, góp phần đào tạo nên nhiều thế hệ con em Đức Châu trở thành những công dân thực sự xứng đáng với truyền thống quê hương cách mạng. Dù trong thời chiến hay thời bình, con người Đức Châu cũng không ngừng vươn lên học giỏi. Từ mái trường này, nhiều người con của quê hương đã tiếp tục học lên trở thành kỹ sư, bác sĩ, thạc sĩ, tiến sĩ. Và hôm nay, họ đang góp phần xây dựng quê hương đất nước. Có nhiều người trong số đó đã và đang giữ những trọng trách trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, quân đội hoặc trở về giảng dạy ngay tại mái trường này.

Trường được tọa lạc trên một khuôn viên có diện tích 6246 m², yên tĩnh, cao ráo, thoáng mát, thuận lợi cho học sinh đi học. Cảnh quan xanh- sạch - đẹp - an toàn, cơ sở vật chất khang trang với 13 phòng học cao tầng và có đầy đủ các phòng chức năng như: phòng Âm nhạc, Tiếng anh, Mỹ Thuật, phòng tin học. Hiện tại trường có 22 cán bộ, giáo viên, nhân viên; 13 lớp với 466 em học sinh từ lớp 1 đến lớp 5. Kế thừa và phát huy truyền thống của các thế hệ đi trước, trong những năm qua, thầy và trò Trường Tiểu học Diễn Phong đã thi đua dạy tốt, học tốt và đạt được những thành tích đáng kể: Trường được UBND huyện cũ công nhận là đơn vị văn hóa năm 2004, đạt trường chuẩn Quốc gia mức độ 2 năm 2010; được công nhận lại Trường Chuẩn Quốc gia mức độ 2 và Kiểm định chất lượng cấp độ 3 năm 2021; nhiều năm liền là tập thể Lao động xuất sắc, được UBND Tỉnh Nghệ An tặng bằng khen (năm 2016; 2023; 2025); được Bộ Trưởng Bộ giáo dục tặng bằng khen năm 2018; được UBND huyện Diễn Châu cũ tặng nhiều giấy khen.

6. Thông tin người đại diện

- Họ và tên: Trần Thị Tư
- Chức vụ : Hiệu trưởng

- Số điện thoại: 0985291876
- E mail: minhthu.dv@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục.

Trường Tiểu học Diễn Phong trước đây là trường cấp 1- 2 Diễn Phong, đến năm 1993 trường được thành lập, tách rời hoạt động giáo dục riêng biệt và có tên gọi Trường Tiểu học Diễn Phong.

b) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, Quyết định bổ nhiệm lại hiệu trưởng; phó hiệu trưởng;

- Hiệu trưởng: Trần Thị Tư – Sinh ngày 15/09/1970

Quyết định số 694/QĐ-UB ngày 30/08/2003 của UBND huyện Diên Châu về việc đề bạt cán bộ quản lý trường học.

Quyết định số 1339/QĐ-UBND ngày 14/8/2008 của UBND huyện Diên Châu về việc bổ nhiệm lại cán bộ quản lý trường học.

Quyết định số 2012 /QĐ-UBND ngày 15/8/2013 của UBND huyện Diên Châu về việc về việc bổ nhiệm lại và luân chuyển cán bộ quản lý trường học.

Quyết định số 2518/QĐ-UBND ngày 23/08/2019 của UBND huyện Diên Châu về việc luân chuyển cán bộ quản lý trường học.

Quyết định số 2527/QĐ-UBND ngày 22/8/2024 của UBND huyện Diên Châu về việc bổ nhiệm lại cán bộ quản lý trường học.

- Phó hiệu trưởng: Nguyễn Văn Hải

Quyết định số 2684/ QĐ-UBND ngày 27 / 09 /2018 của UBND huyện Diên Châu về việc bổ nhiệm cán bộ quản lý trường học.

Quyết định số 2447/QĐ-UBND ngày 08/08/ 2023 của UBND huyện Diên Châu về việc bổ nhiệm lại cán bộ quản lý trường học.

c) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

- Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Tiểu học Diễn Phong

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó...

Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường:

Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

- Sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường

+ 01 Hiệu trưởng và 01 phó Hiệu trưởng.

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 16 đảng viên.

+ Ban đại diện CMHS gồm 16 thành viên.

+ Các tổ chuyên môn: 2 tổ chuyên môn

d) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Địa chỉ thư điện tử
1	Trần Thị Tư	HT	0985291876	minhtu.dv@gmail.com
2	Nguyễn Văn Hải	PHT	0387430758	nhai1980@gmail.com

- Địa chỉ nơi làm việc: Trường TH Diên Phong, thôn Hồng Phong, xã Đức Châu, tỉnh Nghệ An.

- Nhiệm vụ, trách nhiệm:

Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học, giáo dục; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền.

Thành lập các tổ chuyên môn và các hội đồng thi đua khen thưởng; hội đồng kỉ luật, hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; cử giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.

Thực hiện các nhiệm vụ quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan quản lý giáo dục; xây dựng kế hoạch phát triển năng lực nghề nghiệp cho giáo viên, nhân viên; động viên và tạo điều kiện cho giáo viên và nhân viên tham gia các hoạt động đổi mới giáo dục; thực hiện đánh giá, xếp loại giáo viên, nhân viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tham gia quá trình tuyển dụng, chuyển chuyển, sắp xếp giáo viên; tổ chức các bước giới thiệu nhân sự đề nghị cấp có thẩm quyền bổ nhiệm phó hiệu trưởng.

Quản lý, tiếp nhận học sinh, cho phép học sinh chuyển trường; quyết định kỉ luật, khen thưởng học sinh; phê duyệt kết quả đánh giá học sinh, danh sách học sinh lên lớp, lưu ban; tổ chức kiểm tra công nhận việc hoàn thành chương trình tiểu học cho học sinh trong nhà trường và các đối tượng khác trên địa bàn trường phụ trách.

Tổ chức triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; sách giáo khoa, nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Thực hiện quản lý, sử dụng và lựa chọn các xuất bản phẩm tham khảo sử dụng trong nhà trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tham gia sinh hoạt cùng tổ chuyên môn; tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý. Dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý; tham gia giảng dạy theo quy định về định mức tiết dạy đối với hiệu trưởng.

Quản lý hành chính; quản lý và tự chủ trong việc sử dụng các nguồn tài chính, tài sản của nhà trường theo quy định.

Tổ chức thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; thực hiện xã hội hoá giáo dục, phối hợp tổ chức, huy động các lực lượng xã hội cùng tham gia hoạt động giáo dục, phát huy vai trò của nhà trường đối với cộng đồng xã hội.

Xây dựng môi trường học đường an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường theo quy định của Pháp luật.

Được hưởng chế độ phụ cấp đối với nhà giáo và các chính sách ưu đãi theo quy định.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

- Chiến lược phát triển nhà trường.
- Quy chế thực hiện dân chủ cơ sở.
- Quy chế làm việc
- Quy chế chi tiêu nội bộ
- Quy tắc ứng xử trong nhà trường

II. ĐỘI NGŨ CBQL, GIÁO VIÊN VÀ NHÂN VIÊN

1. Nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo.

	Tổng	Nữ	D.Tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
H.Trưởng	01	01	0	0	01	0	
PHT	01	0	0	0	01	0	
Giáo viên	17	17	0	0	17	0	
Nhân viên	03	03	0	0	03	0	
Cộng	22	21	0	0	22	0	

2. Chuẩn nghề nghiệp

STT	Đội ngũ	Đạt chuẩn nghề nghiệp năm 2025	Tỷ lệ
1	Cán bộ quản lý	02	100%
2	Giáo viên	17	100%

3. Bồi dưỡng hàng năm

TT	Đội ngũ	Hoàn thành BD năm 2024	Tỷ lệ
1	Cán bộ quản lý	02	100%
2	Giáo viên	17	100%
3	Nhân viên	03	100%
	Tổng cộng	22	100%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Thông tin chung:

- Diện tích trường : 6246 m²
- Số điểm trường :
- Diện tích bình quân tối thiểu/HS : 13,8 m2/học sinh

2. Hạng mục khối phòng

TT	Hạng mục	Số lượng	Ghi chú
Khối phòng hành chính quản trị			
1	Phòng Hiệu trưởng	01	
2	Phòng Phó Hiệu trưởng	01	

3	Kế toán – Tài vụ	01	
4	Phòng Hội đồng	01	
Khối phòng học – chức năng			
1	Phòng học	13	
2	Phòng Âm nhạc	01	
3	Phòng Mỹ thuật	01	
4	Phòng Tin học	01	
5	Phòng Tiếng Anh	01	
6	Phòng Khoa học - Công nghệ	01	
7	Thư viện – Thiết bị	02	
8	Phòng Y tế	01	
9	Phòng Đội – Truyền thống	01	
10	Phòng đa chức năng	01	
11	Sân chơi	01	
12	Sân thể dục	01	
13	Nhà đa năng	01	

3. Thiết bị dạy học

- Ti vi : 16
- Máy chiếu : 0
- Máy tính : 34
- Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	13	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	13	1 bộ/ lớp
1.1	Khối lớp 1	3	1 bộ/ lớp
1.2	Khối lớp 2	3	1 bộ/ lớp
1.3	Khối lớp 3	2	1 bộ/ lớp
1.4	Khối lớp 4	3	1 bộ/ lớp
1.5	Khối lớp 5	2	1 bộ/ lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
2.1	Khối lớp 1	0	
2.2	Khối lớp 2	0	
2.3	Khối lớp 3	0	
2.4	Khối lớp 4	0	
2.5	Khối lớp 5	0	

4. Danh mục sách giáo khoa:

Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu

đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Danh mục sách giáo khoa lớp 1, sử dụng từ năm học 2021-2022

TT	Tên sách	Tên tác giả	Thuộc bộ sách	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt	Nguyễn Minh Thuyết-Hoàng Hoa Bình-Nguyễn Thị Ly Nga-Lê Hữu Tinh	Cánh diều	Đại học SP TPHCM
2	Toán	Hà Huy Khoái-Lê Anh Vinh-Nguyễn Áng-Vũ Văn Dương-Nguyễn Minh Hải-Bùi Bá Mạnh	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
3	Đạo đức	Nguyễn Thị Toan-Trần Thành Nam-Lê Thị Thuyết Mai-Lục Thị Nga	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
4	TNXH	Vũ Văn Hùng-Nguyễn Thị Thấn-Đào Thị Hồng-Phương Hà Lan-Hoàng úy Tinh	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
5	Âm nhạc	Đỗ Thị Minh Chính-Mai Linh Chi-Nguyễn Thị Phương Mai-Đặng Khánh Nhật-Nguyễn Thị Thanh Vân	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
6	Mỹ thuật	Đinh Gia Lê-Trần Thị Biển-Phạm Duy Anh	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
7	GDTC	Nguyễn Duy Quyết-Lê Anh Thơ-Đỗ Mạnh Hưng-Vũ Văn Thịnh-Vũ Thị Hồng Thu-Vũ Thị Thư-Phạm Mai Vương	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
8	Hoạt động trải nghiệm	Bùi Sỹ Tụng-Nguyễn Thanh Bình-Vũ Thị Lan Anh-Lê Thị Luận-Trần Thị Thu	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
9	Tiếng Anh	Hoàng Văn Vân	GLOBALSUCCESS	NXB GD Việt Nam

- Danh mục Sách giáo khoa lớp 2, sử dụng từ năm học 2022-2023

TT	Tên sách	Tên tác giả	Thuộc bộ sách	Nhà
-----------	-----------------	--------------------	----------------------	------------

				xuất bản
1	Tiếng Việt	Nguyễn Minh Thuyết là Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên và các Tác giả: Nguyễn Thị Bích Hà, Trần Mạnh Hưởng, Đặng Kim Nga, Nguyễn Thị Tổ Ninh.	Cánhdiều	Đại học SP TPHCM
2	Toán	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
3	Tự nhiên và xã hội	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên) Nguyễn Thị Thấn (Chủ biên) Đào Thị Hồng - Phương Hà Lan Phạm Việt Quỳnh - Hoàng Quý Tinh	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
4	Đạo đức	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Lê Thị Tuyết Mai.	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
5	Hoạt động trải nghiệm	Lưu Thu Thủy, Bùi Sỹ Tụng (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh, Nguyễn Thanh Bình (đồng Chủ biên), Vũ Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Hùng, Lê Thị Luận, Trần Thị Tổ Oanh, Trần Thị Thu.	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
6	Âm nhạc	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật, Trần Thị Kim Thăng, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
7	Giáo dục thể chất	Nguyễn Duy Quyết, Hồ Đắc Sơn (đồng Tổng Chủ biên), Lê Anh Thơ (Chủ biên), Nguyễn Thị Hà, Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thu, Nguyễn Thành Trung, Nguyễn Duy Tuyền, Phạm Mai Vương.	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam

8	Mĩ thuật	Đoàn Thị Mỹ Hương, Đinh Gia Lê (đồng Tổng Chủ biên) Trần Thị Biền (Chủ biên) Phạm Duy Anh - Bạch Ngọc Diệp Trần Thị Thu Trang - Bùi Quang Tuấn	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
9	Tiếng Anh	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên)	GLOBAL SUCCESS	NXB GD Việt Nam

- Danh mục sách giáo khoa lớp 3, sử dụng từ năm học 2023-2024

TT	Môn	Tác giả	Bộ sách	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt	Tập 1: Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Hoàng Hòa Bình, Vũ Trọng Đông, Nguyễn Khánh Hà, Trần Mạnh Hưởng. Tập 2: Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Chu Thị Thủy An, Đỗ Thu Hà, Trần Mạnh Hưởng, Đặng Kim Nga, Lê Hữu Tĩnh.	Cánh diều	NXB-ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh
2	Toán	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên),	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
3	Tự nhiên và xã hội	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên),	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
4	Đạo đức	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên) - Trần Thành Nam (Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
5	Hoạt động trải nghiệm	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
6	Âm nhạc	Hoàng Long - Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng chủ biên),	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
7	Giáo dục thể chất	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam

			thứcvớicuộcsống	Nam
8	Mĩ thuật	Nguyễn Xuân Nghị (tổng chủ biên); Trần Thị Biên; Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng chủ biên); Phạm Duy Anh; Bạch Ngọc Diệp; Trần Thị Thu Trang	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
9	Công nghệ	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên)	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
10	Tiếng Anh	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên)	GLOBAL SUCESS	NXB GD Việt Nam
11	Tin học	Nguyễn Chi Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng, Đặng Bích Việt	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam

- Danh mục sách giáo khoa lớp 4, sử dụng từ năm học 2024-2025

TT	Môn	Tác giả	Bộ sách	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt	Tập 1: Tổng chủ biên và Chủ biên: Nguyễn Minh Thuyết Tác giả: Chu Thị Thúy An, Phan Thị Hồ Diệp, Nguyễn Thị Bích Hà, Nguyễn Khánh Hà, Trần Mạnh Hưởng, Trần Bích Thủy Tập 2: Tổng chủ biên và Chủ biên: Nguyễn Minh Thuyết Tác giả: Hoàng Hòa Bình, Vũ Trọng Đồng, Đặng Kim Nga, Nguyễn Thị Tố Ninh, Đặng Thị Yến,	Cánh Diều	NXB-ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh
2	Toán	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam

		Hường, Bùi Bá Mạnh.		
3	LS&ĐL	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Đoàn Thị Thanh Phương.	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
4	Đạo đức	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung.	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
5	Khoa học	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Diệu Nga, Đào Thị Sen, Triệu Anh Trung.	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
6	HĐTN	Lưu Thu Thủy (tổng chủ biên),	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
7	GDTC	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên),.	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
8	Âm nhạc	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
9	Mĩ thuật	Đinh Gia Lê (tổng chủ biên), Trần Thị Biển, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng chủ biên), Phạm Duy Anh, Trần Thị Thu Trang.	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
10	Công nghệ	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Đồng Huy Giới, Dương Giáng Thiên Hương, Bùi Thị Thu Hương, Nguyễn Bích Thảo.	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam
11	Tin học	Nguyễn Chí Công (TCB);Hoàng Thị Mai (chủ biên), Phan Anh,	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB GD Việt Nam

		Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng		
12	Tiếng Anh	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên)	GLOBALSUCCESS	NXB GD Việt Nam

- Danh mục sách giáo khoa lớp 5, sử dụng từ năm học 2025-2026

TT	Môn	Tên sách	Tác giả	NXB
1	Tiếng Việt 5	Cánh Diều	(Tập1: Nguyễn Minh Thuyết - Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên, Chu Thị Thủy An, Vũ Trọng Đông, Nguyễn Khánh Hà, Đỗ Thu Hà, Đặng Kim Nga .) (Tập 2: Nguyễn Minh Thuyết - Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên, Chu Thị Thủy An, Nguyễn Hoàng Mỹ Anh, Hoàng Hòa Bình, Nguyễn Khánh Hà, Trần Đức Hùng)	Nhà xuất bản đại học sư phạm
2	Toán 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	(Hà Huy Khoái - Tổng Chủ biên, Lê Anh Vinh - Chủ biên, Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh)	Nhà xuất bản GD Việt Nam
3	Đạo đức 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	(Nguyễn Thị Toan -Tổng Chủ biên, Trần Thành Nam - Chủ biên, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung)	Nhà xuất bản GD Việt Nam
4	Lịch sử và Địa lý 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	(Vũ Minh Giang - Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ - Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử, Nguyễn Thị Thu Thủy - Chủ biên phần Lịch sử, Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào	Nhà xuất bản GD Việt Nam

			Ngọc Hùng - Tổng Chủ biên phần Địa lí, Trần Thị Hà Giang - Chủ biên phần Địa lí, Đặng Tiên Dung, Đoàn Thị Thanh Phương)	
5	Âm nhạc 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đỗ Thị Minh Chính - Tổng Chủ biên, Nguyễn Thị Thanh Bình - Chủ biên, Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga)	Nhà xuất bản GD Việt Nam
6	Mỹ thuật 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đinh Gia Lê(Tổng chủ biên) Trần Thị Biển- Đoàn Thị Mỹ Hương(đồng chủ biên) Phạm Duy Anh- Trần Thị Thu Trang	Nhà xuất bản GD Việt Nam
7	GDTC 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	(Nguyễn Duy Quyết, Nguyễn Hồng Dương - Tổng Chủ biên, Đỗ Mạnh Hưng - Chủ biên, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thu, Phạm Mai Vương)	Nhà xuất bản GD Việt Nam
8	HĐTN5	Kết nối tri thức với cuộc sống	(Lưu Thu Thủy -Tổng Chủ biên, Nguyễn Thụy Anh - Chủ biên, Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Hùng, Trần Thị Tố Oanh)	Nhà xuất bản GD Việt Nam
9	Tiếng Anh	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên)	GLOBALSUCCESS	NXB GD Việt Nam
10	Tin học	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh- Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn- Hà Đăng Cao Tùng	Nhà xuất bản GD Việt Nam
11	Công nghệ	Kết nối tri thức với cuộc sống	(Lê Huy Hoàng - Tổng Chủ biên; Đặng Văn Nghĩa - Chủ biên).	Nhà xuất bản GD Việt Nam
12	Khoa học	Kết nối tri thức với cuộc sống	(Vũ Văn Hùng - Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên, Phan Thanh Hà - đồng Chủ biên, Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Diệu Nga, Đào	Nhà xuất bản GD Việt Nam

		Thị Sen, Triệu Anh Trung)	
--	--	---------------------------	--

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC, TRƯỜNG CHUẨN QUỐC GIA

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá: Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

1.1.-Đánh giá theo từng tiêu chí từ Mức 1 đến Mức 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1		X	X	X
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	X
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	
Tiêu chí 3.5		X	X	X
Tiêu chí 3.6		X	X	X
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5				

Tiêu chí 5.1		X	X	
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	X
Tiêu chí 5.4		X	X	X
Tiêu chí 5.5		X	X	X

Kết quả :

- Số lượng và tỉ lệ % các tiêu chí đạt mức 1: 27/27 (100%)
- Số lượng và tỉ lệ % các tiêu chí đạt mức 2: 27/27 (100%)
- Số lượng và tỉ lệ % các tiêu chí đạt mức 3: 19/19 (100%)

1.2. Đánh giá theo tiêu chí Mức 4

Tiêu chí (Khoản, Điều)	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Khoản 1, Điều 22	x		
Khoản 2, Điều 22	x		
Khoản 3, Điều 22		x	
Khoản 4, Điều 22		x	
Khoản 5, Điều 22		x	

Kết quả: Số tiêu chí đạt mức 4: 2/5 (40%)

2) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

Nhà trường đã được Sở GD&ĐT Nghệ An về kiểm tra và được công nhận lại trường Chuẩn Quốc gia mức độ 2 và Kiểm định chất lượng cấp độ 3 vào năm 2021:

TT	Số văn bản	Ngày	Cơ quan ban hành	Mức độ đạt
1	Số 4234/QĐ-UBND Tỉnh	09/11/2021	UBND Tỉnh Nghệ An	Trường CQG Mức độ 2
2	Số 1254/QĐ-SGD	10/11/2021	Sở GD ĐT Nghệ An	Kiểm định chất lượng Cấp độ 3

Hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học 2025-2026

Thực hiện theo kế hoạch số: 04 /KH-THDP ngày 01tháng 08 năm 2025 của Trường Tiểu học Diễn Phong về việc tuyển sinh lớp 1 năm học 2025-2026.

- Số lớp tuyển sinh: 03 lớp với tổng số học sinh : 98
- Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển
- Thời gian tuyển sinh: Từ ngày 02/8/2025 đến ngày 07/8/2025

- Kết quả tuyển sinh: Tổng số: 100 em; *Đối chiếu kế hoạch* : Số HS được duyệt theo kế hoạch: 98; Số HS thực hiện: 100; Tăng : 02 ; Lý do tăng : Nơi khác chuyển đến học

2. Các thông tin về học sinh

Khối lớp	Số lớp	Số HS	Trong đó					
			Số HS học 2 buổi/ngày	Số HS chuyển đi	Số HS chuyển đến	Học sinh nữ	HS dân tộc thiểu số	HS khuyết tật
1	3	100	100		2	51		1
2	3	94	94			40		2
3	2	86	86			54		0
4	3	102	102			43		1
5	2	84	84			46		1
Tổng	13	466	466			234		05

3. Kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo năm học 2025-2026

3.1. Kết quả đánh giá học tập theo các môn học:

		Khối 1						Khối 2					
TT	Môn học	Hoàn thành tốt (T)		Hoàn thành (H)		Chưa hoàn thành (C)		Hoàn thành tốt (T)		Hoàn thành (H)		Chưa hoàn thành (C)	
		SL	TL	SL	SL	TL	SL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	Toán	72	72,8	24	24,2	3	3,0	66	71,0	27	29,0	0	0,00
2	T. Việt	73	73,8	23	23,2	3	3,0	66	71,0	27	29,0	0	0,00
3	Tiếng Anh							59	63,4	34	36,6	0	0,00
4	Đạo đức	81	81,8	18	18,2	0	0,00	72	77,4	21	22,6	0	0,00
5	TN&XH	77	77,8	22	22,2	0	0,00	66	71,0	27	29,0	0	0,00
6	Âm nhạc	77	77,8	22	22,2	0	0,00	66	71,0	27	29,0	0	0,00
7	Mỹ thuật	77	77,8	22	22,2	0	0,00	71	76,3	22	23,7	0	0,00
8	GDTC	83	83,8	16	16,2	0	0,00	69	74,2	24	25,8	0	0,00
9	HĐTN	78	78,8	21	21,2	0	0,00	69	74,2	24	25,8	0	0,00
10	Tin học												

		Khối 3						Khối 4						Khối 5					
T T	Môn học	Hoàn thành tốt (T)		Hoàn thành (H)		Chưa hoàn thành (C)		Hoàn thành tốt (T)		Hoàn thành (H)		Chưa HT (C)		Hoàn thành tốt (T)		Hoàn thành (H)		Chưa hoàn thành (C)	
		S L	TL	S L	TL	S L	TL	SL	TL	S L	TL	S L	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	Toán	55	64,7	30	35,3	0	0,00	71	70,3	30	29,7	0	0,00	57	68,7	26	31,3	0	0
2	T. Việt	52	61,2	33	38,8	0	0,00	65	64,4	36	35,6	0	0,00	55	66,3	28	33,7	0	0
3	Tiếng Anh	52	61,2	33	38,8	0	0,00	60	59,4	41	40,6	0	0,00	57	68,7	26	31,3	0	0
4	Đạo đức	60	70,6	25	29,4	0	0,00	72	71,3	29	28,7	0	0,00	65	78,3	18	21,7	0	0
5	TN&XH	59	69,4	26	30,6	0	0,00												0
6	Âm nhạc	54	63,5	31	36,5	0	0,00	72	71,3	29	28,7	0	0,00	57	68,7	26	31,3	0	0
7	Mỹ thuật	56	65,9	29	34,1	0	0,00	73	72,3	28	27,7	0	0,00	61	73,5	22	26,5	0	0
8	GDTC	60	70,6	25	29,4	0	0,00	76	75,2	25	24,8	0	0,00	64	77,1	19	22,9	0	0
9	HĐT N	56	65,9	29	34,1	0	0,00	69	68,3	32	31,7	0	0,00	60	72,3	23	27,7	0	0
10	Tin	52	61,2	33	38,8	0	0,00	60	59,4	41	40,6	0	0,00	57	68,7	26	31,3	0	0
11	Công Nghệ	48	56,5	37	43,5	0	0,00	60	59,4	41	40,6	0	0,00	56	67,5	27	32,5	0	0
12	Khoa học							75	74,3	26	25,7	0	0,00	58	69,9	25	30,1	0	0
13	Lịch sử và Địa lý							65	64,4	36	35,6	0	0,00	57	68,7	26	31,3	0	0

3.2. Kết quả đánh phẩm chất													
TT	Phẩm chất	Khối 1						Khối 2					
		Tốt (T)		Đạt (T)		Cần cố gắng (C)		Tốt (T)		Đạt (T)		Cần cố gắng (C)	
		SL	TL	SL	TL	S L	TL	SL	TL	SL	TL	S L	TL
1	Yêu nước	81	81,8	18	18,2	0	0,00	79	84,9	14	15,1	0	0,00
2	Nhân ái	79	79,8	20	20,2	0	0,00	74	79,5	19	20,4	0	0,00
3	Chăm chỉ	78	78,8	21	21,2	0	0,00	73	78,5	20	21,5	0	0,00
4	Trung thực	83	83,8	16	16,2	0	0,00	81	87,1	12	12,9	0	0,00
5	Trách nhiệm	78	78,8	21	21,2	0	0,00	72	77,4	21	22,6	0	0,00

T T	Phẩm chất	Khối 3						Khối 4						Khối 5					
		Tốt (T)		Đạt (T)		Cần cố gắng (C)		Tốt (T)		Đạt (T)		Cần cố gắng (C)		Tốt (T)		Đạt (T)		Cần cố gắng (C)	
		SL	TL	S L	TL	S L	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	S L	TL
1	Yêu nước	70	82,4	15	17,6	0	0,00	79	78,2	22	21,8	0	0,00	65	78,3	18	21,7	0	0,00
2	Nhân ái	65	76,5	20	23,5	0	0,00	80	79,2	21	20,8	0	0,00	65	78,3	18	21,7	0	0,00
3	Chăm chỉ	62	72,9	23	27,1	0	0,00	77	76,2	24	23,8	0	0,00	64	77,1	19	22,9	0	0,00
4	Trung thực	74	87,1	11	12,9	0	0,00	77	76,2	24	23,8	0	0,00	68	81,9	15	18,1	0	0,00
5	Trách nhiệm	65	76,5	20	23,5	0	0,00	76	75,2	25	24,8	0	0,00	66	79,5	17	20,5	0	0,00

3.3 Kết quả đánh giá năng lực													
TT	Năng lực	Khối 1						Khối 2					
		Tốt (T)		Đạt (T)		Cần cố gắng (C)		Tốt (T)		Đạt (T)		Cần cố gắng (C)	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	S L	TL	SL	TL	S L	TL
1	Tự chủ và tự học	75	75,8	24	24,2	0	0	70	75,3	23	24,7	0	0
2	Giáo tiếp và hợp tác	79	79,8	20	20,2	0	0	68	73,1	25	26,9	0	0
3	GQVĐ và sáng tạo	75	75,8	24	24,2	0	0	65	69,9	28	30,1	0	0
4	Năng lực đặc thù												
4.1	Ngôn ngữ	79	79,8	20	20,2	0	0	74	79,6	19	20,4	0	0
4.2	Tính toán	77	77,8	22	22,2	0	0	72	77,4	21	22,6	0	0
4.3	Khoa học												
4.4	Công nghệ												
4.5	Tin học												
4.6	Thẩm mỹ	78	78,8	21	21,2	0	0	71	76,3	22	23,7	0	0
4.7	Thể chất	79	79,8	20	20,2	0	0	76	81,7	17	18,3	0	0

T T	Năng lực	Khối 3						Khối 4						Khối 5					
		Tốt (T)		Đạt (T)		Cần cố gắng (C)		Tốt (T)		Đạt (T)		Cg (C)		Tốt (T)		Đạt (T)		Cần cố gắng (C)	
		SL	TL	SL	TL	S L	T L	SL	TL	SL	TL	S L	T L	SL	TL	SL	TL	S L	T L
1	Tự chủ và tự học	54	63,5	31	36,5	0	0	76	75,20%	25	24,80%	0	0	64	77,10%	19	22,90%	0	0
2	Giáo tiếp và hợp tác	58	68,2	27	31,8	0	0	74	73,30%	27	26,70%	0	0	64	77,10%	19	22,90%	0	0
3	GQVĐ và sáng tạo	54	63,5	31	36,5	0	0	72	71,30%	29	28,70%	0	0	63	75,90%	20	24,10%	0	0
4	Năng lực đặc thù																		
4.1	Ngôn ngữ	55	64,7	30	35,3	0	0	76	75,20%	25	24,80%	0	0	65	78,30%	18	21,70%	0	0
4.2	Tính toán	56	65,9	29	34,1	0	0	76	75,20%	25	24,80%	0	0	61	73,50%	22	26,50%	0	0
4.3	Khoa học							74	73,30%	27	26,70%	0	0	60	72,30%	23	27,70%	0	0
4.4	Công nghệ	56	65,9	29	34,1	0	0	74	73,30%	27	26,70%	0	0	57	68,70%	26	31,30%	0	0
4.5	Tin học	56	65,9	29	34,1	0	0	70	69,30%	31	30,70%	0	0	56	67,50%	27	32,50%	0	0
4.6	Thẩm mỹ	57	67,1	28	32,9	0	0	77	76,20%	24	23,80%	0	0	64	77,10%	19	22,90%	0	0
4.7	Thể chất	60	70,6	25	29,4	0	0	83	82,20%	18	17,80%	0	0	66	79,50%	17	20,50%	0	0

3.4. Đánh giá cuối năm học

1	Đánh giá Kết quả cuối năm	Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1.1	Hoàn thành xuất sắc	37	37,4	34	36,6	27	31,8	37	36,60%	38	45,80%
1.2	Hoàn thành tốt	32	32,3	27	29,0	26	30,6	29	28,70%	17	20,50%
1.3	Hoàn thành	27	27,3	32	34,4	32	37,6	35	34,70%	28	33,70%
1.4	Chưa hoàn thành	3	3,0	0	0			0	0	0	0
2	Khen thưởng cuối năm										
2.1	Học sinh <i>Xuất sắc</i>	37	37,4	34	36,6	27	31,8	37	36,60%	38	45,80%
2.2	Học sinh <i>Tiêu biểu</i> hoàn thành tốt trong học tập và rèn luyện	32	32,3	27	29,0	26	30,6	29	28,70%	17	20,50%
2.3	Khen thưởng đột xuất			0	0	0	0	0	0	0	0
2.4	Đề nghị cấp trên khen thưởng			0	0	0	0	0	0	0	0
2.5	Gửi thư khen			0	0	0	0	0	0	0	0
3	Hoàn thành chương trình lớp học										
3.1	Hoàn thành	96	97,0	93	100	85	100	101	100%	83	100%
3.2	Chưa hoàn thành	2	3,0	0	0	0	0	0	0	0	0

VI. CÔNG KHAI TÀI CHÍNH NĂM HỌC: 2025-2026

Báo cáo kết quả thực hiện công tác thu chi năm học 2025-2026

1. Nguồn thu NSNN Cấp

TT	Nội dung	Số tiền		
		Thu	Chi	Tồn
1	Thu NSNN cấp 2025	5.223.492.800		
2	Chi lương và phụ cấp lương		1.950.366.951	
3	Các khoản BHXH, BHYT		337.755.947	
4	Học bổng và chi phí học tập cho HS		18.720.000	
5	Tiền thưởng năm học		32.760.000	
6	Các khoản chi khác		329.772.606	
	Tổng NSNN còn	5.223.492.800	2.669.375.504	2.554.117.296

2. Nguồn thu cấp bù học phí

TT	Nội dung	Số tiền		Tồn
		Thu	Chi	
1	Thu NSNN cấp bù học phí học kỳ 2 NH 2025-2026	244.750.000		-
2	TT tiền làm bảng, biểu, các câu khẩu hiệu trong sân trường		21.386.000	
3	Vẽ tranh trang trí hành lang cầu thang và các bậc lên xuống cầu thang dãy nhà học phía tây		34.960.000	
4	Lắp đặt kéo hệ thống mạng internet tới các phòng học		35.000.000	
5	Mua bộ loa di động phục vụ hoạt động NGLL		14.000.000	
6	Mua màn hình tivi 75 inch phục vụ các hoạt động NGLL		18.000.000	
8	Chi lương chính TM 6001 từ 40% trích quỹ lương		39.000.000	
9	Thanh toán tiền PM học bạ số của VNPT		23.150.000	
10	Các khoản chi khác		44.400.000	
	Tổng	244.750.000	229.986.000	14.854.000

(Tính đến ngày 30/06/2026)

3. Nguồn thu tiếng anh tăng cường học sinh

TT	Nội dung	Số tiền		Tồn
		Thu	Chi	
1	Số thu năm học 2025-2026	171.860.000		
2	Chi cho trung tâm anh ngữ		137.480.000	
3	Chi cho công tác hỗ trợ GVCN, quản lý		30.895.000	
4	Chi cho tăng cường cơ sở vật chất		3.475.000	
Tổng		171.860.000	171.860.000	-

4. Nguồn thu phô tô in ấn đề thi

TT	Nội dung	Số tiền		
		Thu	Chi	Tồn
1	Số thu năm học 2025-2026	17.370.000		
2	Chi phô tô in ấn đề thi trong năm học		17.370.000	
Số dư còn lại				0

5. Nguồn thuCSSKBD

TT	Nội dung	Số tiền		
		Thu	Chi	Tồn
1	Số thu năm học 2025-2026	26.822.340		
2	Thanh toán tiền mua thuốc muỗi và clofemin B		10.0000.000	
3	thanh toán tiền mua thuốc và vật tư y tế		16.822.000	
Số dư còn lại		26.822.340	26.822.000	340đ

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Các Thầy giáo, cô giáo luôn tích cực trong việc đổi mới phương pháp dạy học để nâng cao chất lượng giáo dục. Chất lượng học tập của học sinh ngày càng được nâng lên. Tạo dựng được môi trường học tập nề nếp, kỷ cương, có chất lượng để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển năng lực và tư duy sáng tạo của

bản thân; Năm học 2025 – 2026 trường có :

- Giáo viên CNGL cấp tỉnh : 02
- GV dạy giỏi cấp trường : 80 %
- GV đạt danh hiệu lao động tiên tiến: 100 %
- Sáng kiến kinh nghiệm cấp cơ sở: 10
- Chiến sỹ thi đua cơ sở : 9
- Chủ tịch UBND xã tặng giấy khen : 01
- Chủ tịch UBND Tỉnh tặng Bằng khen : 01

** Đánh giá chất lượng HS qua các sân chơi :*

- Trong đó kết quả giao lưu các sân chơi trí tuệ cụ thể:
 - + Trạng Nguyên Tiếng Việt: 18 em đạt cấp Xã; 03 em cấp Tỉnh
 - + Ô lim píc Tiếng Việt – Toán tuổi thơ: Xét chọn đội tuyển Cấp xã : 5 em; cấp tỉnh: 02 em đạt giải Đồng môn Tiếng Việt.
 - + Tiếng Anh IOE đạt: 35 em Cấp Tỉnh; 13 em cấp Quốc gia.
 - + Đấu trường Toán học Vioedu: Cấp xã: 19 em; Cấp tỉnh: 06 em;
- Học sinh đạt danh hiệu học sinh Xuất sắc: $171/461 = 37,1 \%$
- HS tiêu biểu hoàn thành tốt trong học tập và rèn luyện : $135/461 = 29,3 \%$
- HS hoàn thành chương trình lớp học : $459/461 = 99.5 \%$
- Hoàn thành CTTH : $84/84$ em đạt 100%
- Năng lực, phẩm chất : Đạt mức đạt và tốt : 100%

Trên đây là Báo cáo công khai các kết quả hoạt động giáo dục của Trường Tiểu học Diên Phong năm học 2025 -2026 theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

Nơi nhận:

- UBND xã, Phòng VHXXH (b/c)
- Đăng Website trường;

-Lưu VT ;

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Tư